

## KẾ HOẠCH

### Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2017

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế, quản lý điều hành các Chương trình mục tiêu Quốc gia; Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 289-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII; Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2017. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện công tác giảm nghèo như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện CTMT quốc gia Giảm nghèo theo chỉ đạo của Trung ương và việc triển khai thực hiện Quyết định số 289-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII; Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2017 của các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Kiểm tra, đánh giá đúng tình hình công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai và kết quả thực hiện của cấp huyện, thị xã, thành phố và của xã phường thị trấn;

3. Sau kiểm tra, các đoàn có báo cáo, đánh giá, nhận xét, kiến nghị đề xuất các giải pháp đẩy mạnh công tác chỉ đạo triển khai thực hiện nhằm đạt mục tiêu chỉ tiêu giảm nghèo năm 2017 và định hướng giảm nghèo năm 2018.

#### II. NỘI DUNG

##### 1. Đối tượng kiểm tra, giám sát

Đối tượng kiểm tra, giám sát: Các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

## **2. Thành phần**

- Phân công thành 09 đoàn công tác; giao lãnh đạo một số sở, ban, ngành làm Trưởng đoàn và cán bộ chuyên môn của các sở, ban, ngành thành viên Ban Chỉ đạo giảm nghèo tỉnh tham gia đoàn công tác (có phụ lục phân công kèm theo);

- Đại diện: Thường trực Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy, Thường trực HĐND, UBND và các thành viên Ban Chỉ đạo giảm nghèo huyện, thị xã, thành phố.

## **3. Thời gian kiểm tra, giám sát**

Bắt đầu từ ngày 01/11 đến ngày 20/11/2017

## **4. Nội dung kiểm tra, giám sát**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh tại địa phương;

- Xây dựng và ban hành các Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo hằng năm 2017 của cấp huyện, cấp xã;

- Việc thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

- Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung như: tín dụng, giáo dục, bảo hiểm y tế, nhà ở, dạy nghề, xuất khẩu lao động,...;

- Việc huy động các nguồn lực từ xã hội hóa cho giảm nghèo tại địa phương.

## **5. Phương pháp và quy trình kiểm tra, giám sát**

- Kiểm tra thực tế tại các xã, thôn, bản; thăm một số hộ gia đình nghèo, hộ gia đình cận nghèo, hộ gia đình mới thoát nghèo được hỗ trợ từ các chương trình, chính sách giảm nghèo (hỗ trợ phát triển sản xuất, mô hình giảm nghèo, tín dụng, y tế, nhà ở, giáo dục, dạy nghề, xuất khẩu lao động, các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo...);

- Làm việc tại UBND xã: nghe Lãnh đạo UBND xã báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo theo nội dung đề cương kiểm tra, giám sát (mỗi huyện kiểm tra ít nhất 2 xã);

- Làm việc với Ban Chỉ đạo giảm nghèo của huyện, thị xã, thành phố.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Đối với các sở, ban, ngành**

- Các sở, ngành được phân công làm Trưởng đoàn chủ động sắp xếp, bố trí thời gian và thông báo cho các địa phương để chuẩn bị làm việc với đoàn kiểm tra; bố trí xe để đoàn đi chung;

- Các sở, ban, ngành cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra theo yêu cầu của Trưởng đoàn.

## 2. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chuẩn bị báo cáo, hồ sơ tài liệu và mời thành phần của huyện làm việc với Đoàn công tác;

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn chuẩn bị báo cáo, tài liệu, thành phần và thông báo cho các thôn, bản, đại diện hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm việc với đoàn.

## 3. Chế độ báo cáo

Sau 03 ngày làm việc, khi kết thúc kiểm tra các Trưởng đoàn tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả kiểm tra gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (theo đề cương).

## 4. Kinh phí kiểm tra, giám sát

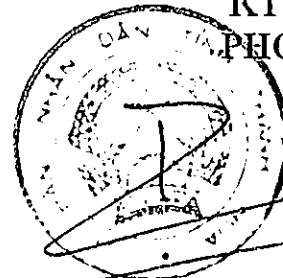
- Từ nguồn chỉ đạo, giám sát đánh giá của Ban Chỉ đạo tỉnh đã được giao theo Quyết định 2226/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt phân bổ chi tiết kế hoạch vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2017;

- Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì bố trí kinh phí và hướng dẫn thanh quyết toán tiền xăng xe và công tác phí cho cán bộ tham gia đoàn công tác theo quy định hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác giảm nghèo năm 2017, yêu cầu các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

### Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các sở, ban, ngành liên quan có liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu.VT, VXBTXH121



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Đăng Quyền

## PHÂN CÔNG CÁC ĐOÀN KIỂM TRA

(Kèm theo Kế hoạch số: 19.2/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2017  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Đoàn công tác	Địa phương kiểm tra
1	<b>Đoàn 1: Trưởng đoàn - Lãnh đạo Sở Lao động, TB và Xã hội</b>	
	1. Lãnh đạo Sở Lao động - TB và Xã hội 2. Đại diện Sở Tư pháp 3. Đại diện Ngân hàng CSXH Thanh Hóa 4. Đại diện Sở Nội vụ	1. Huyện Tĩnh Gia 2. Huyện Quảng Xương 3. Huyện Bá Thước
2	<b>Đoàn 2: Trưởng đoàn - Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT</b>	
	1. Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT 2. Đại diện Cục Thống kê 3. Đại diện Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh 4. Đại diện Bảo hiểm xã hội tỉnh	1. Huyện Cẩm Thủy 2. Huyện Lang Chánh 3. Huyện Thạch Thành
3	<b>Đoàn 3: Trưởng đoàn - Lãnh đạo Ban Dân tộc</b>	
	1. Lãnh đạo Ban Dân tộc 2. Đại diện Sở Công thương 3. Đại diện Hội Cựu chiến binh tỉnh 4. Đại diện Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1. Huyện Thường Xuân 2. Huyện Triệu Sơn 3. Huyện Quan Sơn
4	<b>Đoàn 4: Trưởng đoàn - Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông</b>	
	1. Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông 2. Đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT 3. Đại diện Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch 4. Đại diện Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thanh Hóa	1. Huyện Nga Sơn 2. Huyện Hậu Lộc 3. Huyện Hoằng Hóa
5	<b>Đoàn 5: Trưởng đoàn - Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	
	1. Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư 2. Đại diện Sở Giao thông Vận tải 3. Đại diện Mặt trận Tổ quốc tỉnh 4. Đại diện Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	1. Huyện Quan Hóa 2. Huyện Mường Lát 3. Thành phố Thanh Hóa
6	<b>Đoàn 6: Trưởng đoàn - Lãnh đạo Sở Tài chính</b>	
	1. Lãnh đạo Sở Tài chính 2. Đại diện Hội Nông dân tỉnh 3. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường 4. Đại diện Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	1. Huyện Đông Sơn 2. Huyện Thiệu Hóa 3. Thành phố Sầm Sơn
7	<b>Đoàn 7: Trưởng đoàn - Lãnh đạo Sở Xây dựng</b>	
	1. Lãnh đạo Sở Xây dựng 2. Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ 3. Đại diện Ngân hàng CSXH Thanh Hóa 4. Đại diện Tỉnh đoàn Thanh niên	1. Huyện Như Thanh 2. Huyện Như Xuân 3. Thị xã Bìn Sơn
8	<b>Đoàn 8: Trưởng đoàn - Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo</b>	
	1. Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo 2. Đại diện Tỉnh đoàn Thanh niên 3. Đại diện Mặt trận Tổ quốc tỉnh 4. Đại diện Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1. Huyện Nông Cống 2. Huyện Thọ Xuân 3. Huyện Yên Định
9	<b>Đoàn 9: Trưởng đoàn: Lãnh đạo Sở Y tế</b>	
	1. Lãnh đạo Sở Y tế 2. Đại diện Kho bạc nhà nước tỉnh 3. Đại diện Sở Lao động - TBXH 4. Đại diện Sở Tài Nguyên và Môi trường	1. Huyện Ngọc Lặc 2. Huyện Hà Trung 3. Huyện Vĩnh Lộc

Đề cương

....., ngày tháng năm 2017

## BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2017**  
(Theo Kế hoạch số: 192 KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2017  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

### I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

#### 1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, của cấp ủy, UBND cấp huyện/xã

- Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền.
- Ban hành các Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch thực hiện giảm nghèo năm 2017.
- Văn bản giao chỉ tiêu giảm nghèo và kế hoạch giao chỉ tiêu tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản năm 2017.
- Văn bản liên quan khác về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, về thực hiện các chương trình, dự án, thực hiện các chính sách giảm nghèo chung...;

#### 2. Hoạt động điều hành của Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp huyện/xã

- Cấp huyện phân công theo dõi, chỉ đạo các xã,
- Cấp xã phân công chỉ đạo các thôn/bản;
- Cấp xã phân công các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở cơ sở nhận đỡ đầu, giúp đỡ các thôn/bản và hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để vươn lên thoát nghèo.

#### 3. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cấp và người dân.

**Ghi chú:** Các địa phương chuẩn bị đầy đủ các văn chỉ đạo, kế hoạch để phục vụ đoàn kiểm tra.

### II. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

#### 1. Công tác thông tin, tuyên truyền giảm nghèo

2. Kết quả và tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc CTMTQG giai đoạn 2016-2020 (đối với các địa phương có chương trình, dự án đã được phân bổ)<sup>1</sup>

<sup>1</sup> QĐ 226/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 phân bổ kinh phí CTMTQG 2017; QĐ 224/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 phân bổ vốn đầu tư CTMTQG 2017; QĐ 2833/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về giao vốn ĐTPT thuộc CTMTQG năm 2016.

- Công tác lập/phê duyệt kế hoạch, huy động, bố trí, phân bổ nguồn lực (ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh/huyện/xã, vốn huy động)

- Kết quả và tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án:

+ Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

+ Duy tu bảo dưỡng

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

+ Hỗ trợ xuất khẩu lao động...

.....

### **3. Kết quả và tiến độ thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung đối với hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo và hộ DTTS**

- Chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số và các đối tượng khác

- Chính sách hỗ trợ về giáo dục (miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở, hỗ trợ gạo, trợ cấp xã hội) cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người DTTS, người khuyết tật...

- Chính sách hỗ trợ về y tế: chính sách hỗ trợ khám, chữa bệnh và mua BHYT cho người nghèo, cận nghèo, người DTTS ở vùng khó khăn và người dân ở vùng ĐBK

- Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, xây dựng nhà ở phòng tránh lụt.

- Chính sách hỗ trợ về nước sạch và vệ sinh

- Chính sách hỗ trợ về văn hóa, thông tin và truyền thông

- Trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào DTTS

- Chính sách hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, định canh, định cư, chuyển đổi nghề

- Các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo ở vùng khó khăn, hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội

- Chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên ở vùng ĐBK

- Các chính sách dân tộc ở vùng DTTS và miền núi (nếu có)

- Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS

.....

### **4. Thực hiện các chính sách đề án, dự án của tỉnh**

- Đề án Thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ vùng đồng bào Mông tỉnh Thanh Hóa

- Đề án Ổn định đời sống và phát triển kinh tế - xã hội dân tộc Kơ mú tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020

- Đề án Ổn định sản xuất, đời sống và phát triển kinh tế-xã hội các bản dân tộc Mông, huyện Quan Sơn, giai đoạn 2016-2020

- Đề án Xây dựng điểm điển hình giảm nghèo nhanh và bền vững tại các huyện nghèo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020

- Đề án giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào DTTS

.....

### 5. Huy động các nguồn lực từ xã hội hóa

- vận động quyên góp “*Quyĩ vì người nghèo*”.

- Huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân, doanh nhân và người dân ở cộng đồng về vật chất, tiền, ngày công .v.v. cho giảm nghèo

6. Kết quả và tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình<sup>2</sup> (Có so sánh tăng/giảm với năm 2016 và dự báo khả năng có đạt chỉ tiêu giảm nghèo được tỉnh giao năm 2017. Lý do không đạt chỉ tiêu).

### III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với cấp huyện

2. Đối với các Sở, ngành cấp tỉnh

3. Đối với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh

4. Đối với các bộ, ngành Trung ương

Nơi nhận:

-  
-

CHỦ TỊCH

---

<sup>2</sup> Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 29/8/2017 về rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2017 của UBND tỉnh.

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA**  
**Thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2017**  
*(Kèm theo Kế hoạch số: 192 /KH-UBND ngày 31 /10/2017*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh; dùng cho Đoàn kiểm tra của tỉnh)*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Thành phần đoàn kiểm tra gồm:

- Trưởng đoàn: .....

- Các thành viên:

.....

2. Thời gian và địa phương kiểm tra

.....

**II. KẾT QUẢ KIỂM TRA**

1. Kết quả kiểm tra, giám sát của từng xã/huyện, thị xã, thành phố theo nội dung kiểm tra.

2. Nhận xét, đánh giá.

2.1. Ưu điểm

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu giảm nghèo...

2.2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Đối với cấp huyện, cấp xã

2. Đối với các sở, ngành thành viên BCD tỉnh

3. Đối với UBND tỉnh

4. Đối với các bộ, ngành Trung ương

Nơi nhận:

-

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**